

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HS-ST

Ngày: 23-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu

2. Ông Võ Thanh Tân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2022, đối với bị cáo:

Bùi Thị U, sinh năm 1967 tại thành phố L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ A, khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Cha: Bùi Văn Q (chết); Mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1941; Chồng: Hà Trung K, sinh năm 1963; Có 02 người con, lớn sinh năm 1987 và nhỏ sinh năm 1989; Có 08 anh chị em, bị cáo thứ 06.

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 02 thì nghỉ học.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16 tháng 6 năm 2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hà Trung K, sinh năm 1963, Có mặt

Cư trú: Tổ A, khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang.

- + Bà Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1968, Vắng mặt
- Cư trú: Số E, khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang.
- Người làm chứng: Ông Hà Trung Y, sinh năm 1989. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 23 tháng 7 năm 2020, nhận được tin báo về tội phạm của quần chúng nhân dân, Công an phường H, thành phố L kiểm tra nhà của Bùi Thị U tại số tổ A, khóm T, phường H, thành phố L. Qua kiểm tra, phát hiện U đang ngồi tại nhà bếp để tổng hợp phôi bán số đề dựa trên kết quả xổ số của các công ty xổ số kiến thiết tỉnh An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận vào ngày 23 tháng 7 năm 2020 nên lực lượng Công an đã lập biên bản và thu giữ vật chứng.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- 04 tờ phôi số đề ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- 21 tờ lai ghi số đề (bản sao từ giấy than) ngày 23 tháng 7 năm 2020;
- 01 cây viết mực xanh;
- 01 cây viết mực đen;
- 01 máy tính số;
- 01 cây thước kẻ;
- 17.433.000 đồng;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 8.

Đối chiếu các tờ lai, tờ phôi đề trên xác định ngày 23 tháng 7 năm 2020, Bùi Thị U đã bán số đề như sau:

- Bán số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ dựa trên kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh An Giang với số tiền 5.363.000 đồng;
- Bán số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ dựa trên kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh với số tiền 2.430.000đồng;
- Bán số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ dựa trên kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Bình Thuận với số tiền 2.430.000 đồng;

Kết luận giám định số 108/KLGT-PC09 (TL) ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, xác định: Chữ viết trên 25 tài liệu cần giám định so với chữ viết của bà Bùi Thị U trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người viết ra.

Kết luận giám định số 245/KLGT-PC09(KTSĐT) ngày 19 tháng 12 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, xác định: Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung có số IMEI 1: 353759091321020 và số IMEI 2: 353760091321028 do Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thành phố L gửi giám định, chi tiết thể hiện trong phụ lục và đĩa DVD dữ liệu trích xuất kèm theo.

Đến ngày 16 tháng 6 năm 2022, Bùi Thị U bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L khởi tố về tội “Đánh bạc”.

Quá trình điều tra, Bùi Thị U khai: U bán số đề từ ngày 21 tháng 7 năm 2020 đến ngày bị bắt. U bán số đề tại nhà số tổ A, khóm T, phường H, thành phố L, bán cho những người không rõ họ tên, địa chỉ, khi có người mua số đề thì U ghi vào tờ lai số đề và số tiền mua đề, bên dưới có giấy than. Sau đó, U đưa cho người mua tờ lai chính, giữ lại lai sao từ giấy than để đối chiếu được thua dựa trên kết quả xổ số kiến thiết. U trực tiếp được thua với người mua số đề. Mỗi ngày U bán số đề với số tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.223.000 đồng. Số tiền thu lợi từ khi bán số đề đến khi bị phát hiện khoảng 600.000 đồng. Ngày 23 tháng 7 năm 2020, U bán số đề dựa trên kết quả xổ số của công ty xổ số kiến thiết tỉnh An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận cho nhiều người không rõ họ tên địa chỉ với số tiền như đã nêu trên. Trong số tiền 17.433.000 đồng bị thu giữ, có 4.100.000 đồng là tiền của bà Trần Thị Tuyết V gửi U đóng hụi, U yêu cầu được nhận lại số tiền này; số tiền còn lại có được từ việc bán số đề.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:

- Ông Hà Trung K và anh Hà Trung Y (chồng và con ruột U) trình bày: Ông K, anh Y biết việc bà U bán số đề cho nhiều người không rõ họ tên tại nhà và đã nhiều lần ngăn cản U. Ngày 23 tháng 7 năm 2020, trong lúc U đang tổng hợp lai đề vào phôi đề thì bị Công an phường H phát hiện lập biên bản như nội dung vụ án đã nêu trên. Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 8 bị thu giữ là của ông K, ông yêu cầu nhận lại.

- Bà Trần Thị Tuyết V trình bày: Ngày 23 tháng 7 năm 2020, bà V đưa cho U số tiền 4.100.000 đồng để nhờ U đóng hụi. U đã trả lại V số tiền này nên V không yêu cầu bồi thường.

Tại cáo trạng số 79/CT-VKSLX-HS ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Bùi Thị U về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời khai, ý kiến đã trình bày trong quá trình điều tra, truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Bùi Thị U từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng

cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 cây viết mực xanh; 01 cây viết mực đen; 01 cây thước kẻ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 máy tính số và số tiền 13.333.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo U số tiền 4.100.000đ do không liên quan đến việc phạm tội.

Trả lại cho ông Hà Trung K 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 8 do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo U.

Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng đã ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Tuyết V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bà V đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt của bà V tại phiên tòa không gây cản trở cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định:

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2020, bị cáo Bùi Thị U đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số đề dựa trên kết quả xổ số của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh An Giang với số tiền 5.363.000 đồng, Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Tây Ninh với số tiền 2.430.000 đồng và Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Bình Thuận với

số tiền 2.430.000 đồng nhằm mục đích thu lợi. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Lẽ ra bị cáo phải chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và biết làm ăn chân chính, trở thành người có ích cho xã hội. Nhưng với bản chất lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, bị cáo đã xem thường pháp luật cố ý thực hiện hành vi ghi bán số đề cho nhiều con bạc tại địa phương. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội đang bị bệnh ung thư và bệnh xuất huyết não quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[6] Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong thời gian tại ngoại bị cáo chấp hành pháp luật, không có vi phạm khác; có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo đang phải điều trị bệnh ung thư và bệnh xuất huyết não. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng trừng trị, răn đe.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 cây viết mực xanh; 01 cây viết mực đen; 01 cây thước kẻ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) máy tính số đo là phương tiện phạm tội.

Trong số tiền 17.433.000 đồng có 4.100.000đ là của bà Trần Thị Tuyết V gửi bị cáo đóng tiền hối và bị cáo đã trả số tiền này cho bà V nên Hội đồng xét xử trả lại số tiền 4.100.000đ cho bị cáo do không liên quan đến việc phạm tội. Số tiền

13.333.000 đồng còn lại do bị cáo ghi sổ đề mà có nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại cho ông Hà Trung K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 8 do không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo.

(Theo Giấy nộp tiền số 18256418 ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh A và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang).

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị U phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị U 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 23 tháng 9 năm 2022).

Giao bị cáo Bùi Thị U cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Thị U có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Bùi Thị U thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây viết mực xanh; 01 cây viết mực đen; 01 cây thước kẻ.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) máy tính số và số tiền 13.333.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo Bùi Thị U số tiền 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Hà Trung K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 8.

(Theo Giấy nộp tiền số 18256418 ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh A và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thị U phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Bị cáo Bùi Thị U và ông Hà Trung K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Thị Tuyết V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. L;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP L;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường H, TP. L; tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan

